

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS- ST
Ngày: 22-11-2019
V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Đình Long

Ông Vũ Đình Cuối

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Phương- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2019/TLST- DS ngày 06 tháng 9 năm 2019 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1965

Trú tại: Tổ dân phố số 2, thị trấn K, huyện P, tỉnh Q, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1973

Trú tại: Tổ dân phố số 3, thị trấn K, huyện P, tỉnh Q, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 26/8/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày như sau:

Do tình đồng nghiệp quen biết nên vào ngày 11/7/2018, bà Nguyễn Thị T đã đứng tên vay Ngân hàng dùm cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Mỗi tháng trả 3.000.000đ cả gốc và lãi. Bà L đã trả được 10 tháng cả gốc và lãi với số tiền là 30.000.000đ. Từ tháng 6/2019 đến tháng 8/2019, bà L không trả tiền cho bà T để bà T trả cho Ngân hàng. Hiện tại số tiền còn nợ

Ngân hàng là 72.110.000đ (*Bảy mươi hai triệu một trăm mười ngàn đồng*) và từ tháng 6 đến tháng 8/2019 Ngân hàng đã trừ tiền của bà T 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*). Tổng số tiền hiện bà L đang còn nợ bà T là 81.110.000đ (*Tám mươi một triệu một trăm mười ngàn đồng*). Bà T đã đến nhà bà L đề nghị trả tiền nhưng bà L không chịu trả, nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L phải trả số tiền còn nợ cho bà T để bà T trả nợ cho Ngân hàng. Tại phiên tòa bà T yêu cầu bà L trả số tiền cho bà T chia làm 03 đợt.

- *Ý kiến của bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Vào tháng 10/2017, bà L có vay nóng của bà T số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) với lãi suất là 5%/tháng. Bà L đã trả cho bà T tiền lãi mỗi tháng 10.000.000đ và đã trả lãi số tiền 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*). Đến ngày 11/7/2018, bà L đã trả cho bà T số tiền gốc là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*). Còn lại nợ gốc 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*). Bà L viết lại giấy mượn tiền ngày 11/7/2018. Vào tháng 8/2018, bà L nhờ bà T đứng tên vay Ngân hàng dùm cho bà L số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) để bà L trả qua số tiền gốc mà bà L đã vay nóng của bà T. Bà L đã trả cho bà T số tiền mỗi tháng 3.000.000đ cả gốc và lãi. Tổng cộng bà L đã trả được 10 tháng với số tiền 30.000.000đ. Bà L thống nhất số tiền hiện còn nợ bà T là 81.110.000đ (*Tám mươi một triệu một trăm mười ngàn đồng*). Ngoài ra, bà L không còn nợ bà T khoản tiền nào khác, các giấy tờ trước đây bà L viết và ký trong sổ của bà T đều không có giá trị pháp lý. Hiện tại bà L rất khó khăn nên mong bà T cho bà L trả cho bà T mỗi tháng 2.000.000đ kể từ tháng 4/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam theo Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. *Về việc giao nộp chứng cứ:* Các đương sự trong vụ án đều nhất trí với biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của nguyên đơn và bị đơn giao nộp cho Tòa án.

[3]. *Về nội dung:* Ngày 11/7/2018, bà Nguyễn Thị L đã viết giấy mượn tiền của bà Nguyễn Thị T số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), bà L hẹn khi nào bà T cần thì báo trước cho bà L 1 tháng để bà L trả đủ số tiền đã mượn cho bà T. Bà L đã trả cho bà T số tiền 30.000.000đ. Ngày 06/5/2019, bà L viết giấy cam kết trả tiền cho bà T để bà T trả nợ cho Ngân hàng mỗi tháng trả số tiền cả gốc và lãi là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Như vậy, mặc dù trong giấy mượn tiền ngày 11/7/2018 bà L không ghi số tiền mượn bà T là số tiền mà bà T đã vay Ngân hàng dùm cho bà L và không thỏa thuận thời gian và phương thức trả nợ, nhưng giữa bà T và bà L đã thỏa thuận với nhau và thực tế bà L đã trả cho bà T mỗi tháng 3.000.000đ cả gốc và lãi để bà T trả nợ cho Ngân hàng. Bà L đã trả cho bà T số tiền gốc và lãi 10 tháng là 30.000.000đ. Như vậy, số tiền bà T khởi kiện yêu cầu bà L trả cho bà T

81.110.000đ (*Tám mươi một triệu một trăm mười ngàn đồng*) là có cơ sở chấp nhận.

[4]. Theo trình bày của bà L thì bà L vay nóng bà T số tiền 200.000.000đồng và lãi suất 5%/tháng. Tuy nhiên, bà T không thừa nhận việc cho bà L vay nóng số tiền 200.000.000đồng như bà L đã trình bày. Xét thấy, theo lời khai của bà L thì khoản tiền vay nóng này bà L đã trả cho bà T và sau đó được thay thế bằng giấy mượn tiền ngày 11/7/2018, nên việc này không liên quan đến việc khởi kiện của bà T, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về lãi suất: Giấy mượn tiền ngày 11/7/2018 bà T và bà L không thỏa thuận về lãi suất. Trong đơn khởi kiện và hòa giải bà T không trình bày về lãi suất và không yêu cầu bà L phải trả lãi suất. Tuy nhiên, giữa bà T và bà L thỏa thuận trả số tiền vay mỗi tháng gốc và lãi là 3.000.000đồng. Xét thấy việc vay tiền giữa bà T và bà L là có lãi suất. Nhưng hai bên không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể. Vì vậy, nếu bà L không trả nợ cho bà T thì phải chịu lãi suất theo qui định của pháp luật.

[6]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Xử: Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền còn nợ là: 81.110.000đ (*Tám mươi một triệu một trăm mười ngàn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 4.055.500đ (*Bốn triệu không trăm năm mươi lăm ngàn năm trăm đồng*). Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 2.027.000đ (*Hai triệu không trăm hai mươi bảy ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 002203 ngày 06/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Sơn.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- Viện kiểm sát
- Chi cục T.H.A
- Tòa án tỉnh
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Phan Thị Lan

